TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2025/KDTM-ST
Ngày: 10/3/2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Bình
2. Bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2024/TLST-KDTM ngày 01/11/2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-KDTM ngày 13/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-KDTM ngày 03/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH ZVN**
Địa chỉ: phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn:

1) *Ông Đinh Nhật Q*
2) *Bà Đặng Thị Vân A*
3) *Ông Nguyễn Quang H*

Theo Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH ZVN
Có mặt ông H.

Bị đơn: **Công ty CP xây dựng thương mại HTTH**
Địa chỉ đăng ký kinh doanh: phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội.
Địa chỉ đặt biển hiệu công ty: phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0109138599.
Đại diện theo pháp luật: *Ông Nguyễn Ngọc T* – Tổng Giám đốc
Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Ngọc T; CCCD số XXX; địa chỉ: phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 13/8/2024 của Nguyên đơn trình bày:*** Ngày 17/06/2023, Công ty TNHH ZVN VN ("ZVN") và Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại HT TH ("HT") đã ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số DR2023071200148 ("***Hợp Đồng 1***"). Theo đó, ZVN có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa là máy khoan cọc nhồi đã qua sử dụng Model ZR280C-2, HT có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ giá trị hàng hóa cho ZVN theo 03 đợt: Đợt 1 thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng mua bán; Đợt 2 thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký biên bàn giao hàng hóa; và Đợt 3 thanh toán trong vòng 03 ngày sau khi hết thời hạn bảo hành máy. Ngày 14/7/2023, ZVN, HT và ông Nguyễn Ngọc T đã ký kết một Thỏa thuận bảo lãnh thanh toán ba bên ("Thỏa Thuận Bảo Lãnh"). Theo đó, Ông Nguyễn Ngọc T, với tư cách cá nhân, bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện tất cả nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ Hợp Đồng 1 của HT đối với ZVN nếu HT không thực hiện thanh toán đầy đủ và toàn bộ bất kỳ nghĩa vụ nào. Cũng trong ngày 14/07/2023, ZVN đã hoàn thành việc giao hàng hóa là Máy khoan cọc nhồi Model ZR280C-2 cùng với các phụ kiện đi kèm theo Hợp Đồng 1 cho HT, hai bên đã ký Biên bản giao nhận hàng hóa, xác nhận ZVN đã bàn giao đúng số lượng và chủng loại hàng hóa. ZVN đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng ("GTGT") số 0000014 ngày 14/07/2023, với tổng giá trị thanh toán là 7.650.000.000 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT).

Ngày 18/10/2023, ZVN và HT tiếp tục ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số DR2023102000229 ("***Hợp Đồng 2***"). ZVN có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa là Máy khoan cọc nhồi đã qua sử dụng Model ZR220A, HT có nghĩa vụ thanh toán giá trị hàng hóa cho ZVN theo 02 đợt: Đợt 1 thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng mua bán; Đợt 2 thanh toán toàn bộ giá trị hàng hóa trước khi ký biên bàn giao. Ngày 31/10/2023, ZVN đã hoàn thành việc giao hàng hóa là Máy khoan cọc nhồi model ZR220A theo Hợp Đồng 2 cho HT. Đại diện của ZVN và HT cùng với các nhân viên giao nhận của hai bên đã ký vào Biên bản bàn giao hàng hóa, xác nhận ZVN đã giao hàng hóa đầy đủ và đáp ứng yêu cầu chất lượng theo hợp đồng mua bán. ZVN cũng đã phát hành hóa đơn GTGT số 00000195 ngày 31/10/2023 cho HT, với tổng giá trị thanh toán là 3.800.000.000 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT).

Tuy nhiên, khi đã quá hạn thanh toán Các Hợp Đồng trên, HT vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán giá trị hàng hóa phát sinh tại Các Hợp Đồng đối với ZVN. Tổng số tiền HT chưa thanh toán cho ZVN theo Các Hợp Đồng là **3.502.500.000 VNĐ**. Cụ thể: khoản nợ chưa thanh toán phát sinh từ Hợp Đồng 1 là *382.500.000 VNĐ*; khoản nợ chưa thanh toán phát sinh từ Hợp Đồng 2 là *3.120.000.000 VNĐ*. ZVN đã nhiều lần gửi các công văn yêu cầu thanh toán đến HT nhưng cho đến nay HT vẫn chưa tiến hành thanh toán Khoản Nợ nói trên cho ZVN mà không có bất kỳ lý do chính đáng nào.

Vì vậy, Công ty ZVN khởi kiện Công ty HT ra Tòa án nhân dân, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1) Buộc Công ty cổ phần xây dựng thương mại HTTH thanh toán cho công ty ZVN toàn bộ Khoản nợ gốc còn tồn đọng là **3.502.500.000 đồng**, bao gồm 382.500.000 đồng tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng 1 và 3.120.000.000 đồng tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng 2 trong 30 ngày kể từ ngày Tòa án sơ thẩm đưa ra phán quyết cuối cùng;

2) Buộc HTTHanh toán số tiền lãi chậm trả phát sinh từ Khoản nợ gốc là **466.485.000 đồng**;

Tổng số tiền phải thanh toán là **3.968.985.000 đồng** (*Ba tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng*);

3) Trường hợp HT không thể hoàn thành việc thanh toán khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng 1, buộc ông Nguyễn Ngọc T thanh toán thay khoản nợ 382.500.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng 1 trong 03 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán của HT.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Nguyên đơn giữ nguyên lời khai và yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX buộc Bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền **4.343.752.500** đồng còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (10/3/2025) bao gồm tiền nợ gốc là 3.502.500.000 đồng và 841.252.500 đồng nợ lãi.

**** Bị đơn là Công ty CP xây dựng thương mại HT TH*** và ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T*** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do trong toàn bộ giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Về phía các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành nghĩa vụ tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa; Bị đơn đã được

tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử.

+ Về nội dung: Xác định giữa Công ty ZVN và Công ty HT có giao kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số DR2023071200148 ngày 17/06/2023 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số DR2023102000229 ngày 18/10/2023, xét các hợp đồng được các bên thiết lập theo đúng quy định của pháp luật nên có căn cứ để xem xét. Công ty HT đã thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Công ty ZVN khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi chậm trả, căn cứ Điều 306 Luật Thương mại và Điều 357 Bộ luật dân sự thì Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán là có cơ sở chấp nhận.

Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, 357 Bộ luật dân sự, Điều 306 Luật Thương mại, Nghị quyết 326 về án phí: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền còn nợ là **4.343.752.500** đồng tạm tính đến ngày 10/3/2025 bao gồm tiền nợ gốc là 3.502.500.000 đồng và 841.252.500 đồng nợ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, Nguyên đơn và Bị đơn đều là Pháp nhân có đăng ký kinh doanh, do vậy đây là trường hợp tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng, Nguyên đơn lựa chọn nộp đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân quận Long Biên là nơi Bị đơn có địa chỉ đăng ký kinh doanh, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH ZVN về khoản nợ gốc:

[2.1] Xét các Hợp đồng mua bán số DR2023071200148 ngày 17/06/2023 và số số DR2023102000229 ngày 18/10/2023 giữa Công ty TNHH ZVN và Công ty CP xây dựng thương mại HTTH về việc mua bán hàng hóa (máy khoan cọc nhồi) được giao kết trên cơ sở không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nội dung và hình thức của giao

dịch phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại, do đó được công nhận và có giá trị hiệu lực ràng buộc các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty ZVN đã giao hàng và xuất hóa đơn theo đúng thỏa thuận, Công ty HT đã nhận đủ hàng và không có ý kiến phản hồi gì về chất lượng, số lượng, chủng loại, hai bên đã ký kết biên bản bàn giao. Căn cứ vào các Hóa đơn giá trị gia tăng, Bảng kê chi tiết số dư nợ còn phải trả ngày 20/01/2025, các Thư yêu cầu thanh toán ngày 02/5/2024 và ngày 05/8/2024, lời khai của các nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Có đủ căn cứ xác định tính đến thời điểm khởi kiện, Công ty HT còn nợ Công ty ZVN số tiền chưa thanh toán của 02 hợp đồng là **3.502.500.000 VNĐ** *(Ba tỷ, năm trăm linh hai triệu, năm trăm nghìn đồng).*

Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn – Công ty HT phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc **3.502.500.000 VNĐ** *(Ba tỷ, năm trăm linh hai triệu, năm trăm nghìn đồng)* là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại.

[2.3] Đối với khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán:

[2.3.1] Điều 306 Luật Thương mại quy định: *"Trong trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng... thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả,* ***trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác****"*.

Xét thoả thuận của các bên về lãi suất chậm thanh toán 0,05%/ngày (tương ứng 18,25%/năm) là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả tính theo mức lãi suất 0.05%/ngày.

[2.3.2] Về số tiền lãi cụ thể được tính như sau:

- Số tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng số 1 kể từ ngày 18/01/2024 đến 10/3/2025 là 382.500.000đ x 0.05%/ngày x 410 ngày = 78.412.500 đồng (1)

- Số tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng số 2 kể từ ngày 31/10/2023 đến 10/3/2025 là 3.120.000.000đ x 0,05%/ngày x 489 ngày = 762.840.000đ (2)

Như vậy, tổng số tiền lãi mà Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn tính đến ngày 10/3/2025 là (1) + (2) = 841.252.500 đồng.

[2.3.3] Buộc Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi chậm trả là **841.252.500 đồng** *(Tám trăm bốn mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm đồng)* là có căn cứ.

[4] Xét Thoả thuận bảo lãnh thanh toán lập ngày 14/7/2023 giữa bên bảo lãnh là ông Nguyễn Ngọc T, bên mua hàng hoá là Công ty HT TH, bên

bán hàng hoá là Công ty ZVN về việc bảo lãnh thực hiện hợp đồng mua bán số DR2023071200148 ngày 14/72023, Hội đồng xét xử xét thấy: Thoả thuận bảo lãnh được ký kết giữa các bên là tự nguyện, tuân theo đúng quy định của pháp luật, đã phát sinh hiệu lực và có nghĩa vụ ràng buộc trách nhiệm giữa các bên thamg gia. Bên bán (ZVN) đã giao hàng hoá theo thoả thuận, bên mua (HT) không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Số tiền còn nợ của Hợp đồng DR2023071200148 là 382.500.000 đồng. Khoản nợ này đã quá hạn, ZVN đã nhiều lần thông báo yêu cầu thanh toán đến bên mua là Công ty HT và người bảo lãnh là ông T nhưng các bên có nghĩa vụ đều không thực hiện.

Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn đối với thoả thuận bảo lãnh là phù hợp với quy định tại các Điều 4 và 306 Luật Thương mại, các Điều 335, 336, 339, 342 và 468 của Bộ luật Dân sự, buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng DR2023071200148 trong trường hợp bên được bảo lãnh là Công ty HT TH không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đối với ZVN.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo:

- Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Hoàn trả Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 5, Khoản 4 Điều 70, Điều 147, Khoản 2 Điều 194, các Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 157, các Điều Điều 154, 335, 336, 339, 342 và 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 50, 306 và 319 của Luật Thương mại; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

1.1) Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại HT TH phải thanh toán cho Công ty TNHH ZVN VN tổng số tiền **4.343.752.500 đồng** *(bốn tỷ,*

ba trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng) phát sinh từ các Hợp đồng mua bán hàng hoá số DR2023071200148 ngày 17/6/2023 và số DR2023102000229 ngày 18/10/2023. Trong đó:

- Khoản nợ có biện pháp bảo đảm (DR2023071200148) là **382.500.000 đồng** *(ba trăm tám mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng)* tiền gốc, **78.412.500 đồng** *(bẩy mươi tám triệu, bốn trăm mươi hai nghìn, năm trăm đồng)* tiền lãi, tổng là **460.912.500 đồng** *(bốn trăm sáu mươi triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng)*.

- Khoản nợ không có biện pháp bảo đảm (DR2023102000229) là **3.120.000.000 đồng** *(ba tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng)* tiền gốc, **762.840.000 đồng** *(bẩy trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng)* tiền lãi, tổng là **3.882.840.000 đồng** *(ba tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

1.2) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc với lãi suất thoả thuận trong hợp đồng là 0,05%/ngày.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.3) Trường hợp Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại HT TH không thực hiện hoặc thực hiện không đúng cam kết trả nợ đối với khoản nợ có biện pháp bảo đảm, thì ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty HT TH toàn bộ số tiền **460.912.500 đồng đồng** *(bốn trăm sáu mươi triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng)* và lãi phát sinh trên số nợ gốc (382.500.000 đồng) với lãi suất 0,05%/ngày.

2. Về án phí:

- Bị đơn là Công ty TNHH Công ty HT phải chịu 112.343.753 đồng án phí KDTM sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH ZVN số tiền tạm ứng án phí 55.690.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0051371 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

3. Công ty TNHH ZVN có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Công ty HT và ông Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh